

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2008 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC TRỌNG**

(Kèm theo Quyết định số 50/2007/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

**A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:**

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

STT	ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH	Đơn giá đất
<b>1</b>	<b>Đường quốc lộ 20</b>	
<b>1.1</b>	<b>Từ giáp xã Phú Hội đến giáp đường Hồ Xuân Hương</b>	<b>1.200</b>
1.2	Từ giáp đường Hồ Xuân Hương đến hết nhà số 857 Quốc lộ 20 cạnh trường tiểu học Nam Sơn	1.560
1.3	Từ hết đất nhà 857 QL 20 đến ngã tư Phan Đình Phùng	2.880
1.4	Từ ngã tư Phan Đình Phùng đến đường Hà Huy Tập (cạnh nhà 602 QL 20)	3.840
1.5	Từ ngã ba đường Hà Huy Tập (cạnh nhà 602 QL 20) hết trụ sở UBND huyện	5.400
1.6	Từ hết trụ sở UBND huyện đến giáp đường Nguyễn Tri Phương	4.200
1.7	Từ giáp đường Nguyễn Tri Phương đến giáp số nhà 160 và 263 - Quốc lộ 20 – Khu phố 6	2.880
1.8	Từ nhà số 160 và 263 – Quốc lộ 20 – đến hết nhà 132 và 207	3.600
1.9	Từ giáp nhà 132 và 207 – QL 20 đến giáp hẻm 108 và hết nhà ông Tường CA.	2.880
1.10	Từ nhà ông Tường CA đến ngã ba đường Lê Thị Pha	2.400
1.11	Từ ngã ba đường Lê Thị Pha đến giáp xã Hiệp Thạnh	1.920
<b>2</b>	<b>Đường nhánh của quốc lộ 20</b>	
<b>2.1</b>	<b>Khu phố 12</b>	
2.1.1	Từ hết đất nhà số 1185 (ranh Phú Hội – Liên Nghĩa đi Phú Hội)	300
2.1.2	Từ hết đất nhà số 1122 (ranh Phú Hội – Liên Nghĩa đi Tân Phú)	
	- Từ hết đất nhà 1122 vào 100m	300
	- Đoạn còn lại	180
2.1.3	Từ hết đất nhà 1110	
	- Từ hết đất nhà 1110 đến ngã ba sát nhà ông Nguyễn Đứng	300

**DVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	- Đoạn còn lại	180
2.1.4	Từ hết đất nhà 1064	
	-Từ hết đất nhà 1064 đến ngã ba sát nhà 1064/10	300
	- Đoạn còn lại	240
2.1.5	Từ hết đất nhà 1155 đến hết đường	300
2.1.6	Đường nhánh sát cây xăng Liên Nghĩa đến ngã ba đối diện đất ông Nông Viết Hoàng	300
2.1.7	Từ hết đất nhà số 966 đến hết tổ 16.	300
2.1.8	Từ hết đất nhà số 966 đến ngã ba cây Quéo.	300
2.1.9	Đường nhánh từ nhà số 902 đến giáp đường ngã ba đi cây Quéo	300
<b>2.2</b>	<b>Khu phố 10</b>	
2.2.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 1025 đến hết đường	300
2.2.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 983 đến hết đường	300
2.2.3	Đường nhánh từ hết đất nhà số 915 đến đường Hoàng Văn Thụ	300
2.2.4	Đường nhánh từ hết đất nhà số 895 đến hết đường	300
2.2.5	Đường nhánh từ hết đất nhà số 857 đến Hoàng Văn Thụ	840
<b>2.3</b>	<b>Khu phố 8</b>	
2.3.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 832 đến hết đường	360
2.3.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 774 đến hết đường	300
2.3.3	Đường nhánh từ hết đất nhà số 831 đến hết đường	300
2.3.4	Đường nhánh từ hết đất nhà số 819A đến hết đường	300
2.3.5	Đường nhánh từ hết đất nhà số 789 đến đường Hoàng Văn Thụ	1.440
2.3.6	Đường nhánh từ hết đất nhà số 773 đến hết đường	300
<b>2.5</b>	<b>Khu phố 4</b>	
2.5.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 595 đến hết nhà 501/2	600
2.5.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 583 đến giáp ngã ba hẻm 553	600
2.5.3	Đường nhánh từ hết đất nhà số 553 đến ngã ba hết nhà 553/16	720
2.5.3.1	Các nhánh còn lại từ ngã ba hết nhà 553/16 đến hết đường	300
2.5.4	Đường nhánh từ hết đất nhà số 501 đến giáp nhà 501/3	600

**DVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
2.5.5	Đường nhánh từ hết đất nhà số 459 giáp quốc lộ 20 đến hết đường	360
2.5.6	Đường nhánh sát nhà ông Thế đến hết đường	240
2.5.7	Đường nhánh từ hết đất nhà số 335 (Từ Miếu Ba Cô đến giáp đường Cao Bá Quát)	360
<b>2.6</b>	<b>Khu phố 6</b>	
2.6.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 108 đến ngã ba sát nhà 108/1	420
2.6.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 102 đến hết đường	420
2.6.3	Đường nhánh từ hết đất nhà số 68 (đường vào UBND huyện cũ) đến hết đường	600
2.6.4	Đường nhánh từ hết đất nhà số 56 đến hết đường	240
2.6.5	Đường nhánh từ hết đất nhà số 46 đến hết giáp đất nhà 46/2	360
2.6.6	Đường nhánh từ hết đất nhà số 26 đến ngã ba giáp nhà 26/9	300
<b>2.7</b>	<b>Khu phố 1</b>	
2.7.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 496 đến hết đường	960
<b>3</b>	<b>Quốc lộ 27</b>	
3.1	Từ Quốc lộ 20 đến hết nhà số 17 và nhà 26 – Quốc lộ 27	3.600
3.2	Từ giáp nhà số 17 và nhà 26 – QL 27 đến cổng sát nhà số 37	2.700
3.3	Từ cổng sát nhà số 37 đến giáp hàng rào sân bay Liên Khương.	1.980
3.4	Từ hàng rào sân bay Liên Khương đến giáp ngã ba sát nhà số 96	1.560
3.5	Từ ngã ba sát nhà số 96 đến giáp xã Liên Hiệp	1.200
3.6	Đường nhánh của quốc lộ 27	
3.6.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 62 đến ngã ba	360
3.6.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 74 đến ngã tư	360
3.6.3	Đường nhánh từ hết đất nhà số 96 đến ngã ba	360
<b>4</b>	<b>Đường Lê Thị Pha</b>	
4.1	Từ giáp quốc lộ 20 đến ngã ba rẽ vào đường Lê Văn Tám	540
4.2	Đoạn còn lại của đường Lê Thị Pha	360

**DVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>5</b>	<b>Đường Lê Văn Tám</b>	
5.1	Từ quốc lộ 27 đến ngã ba (đi trường Quân sự địa phương)	720
5.2	Từ ngã ba đến ngay cổng trường Quân sự địa phương	720
5.3	Từ ngã ba đến hết đất trường Dân tộc nội trú	720
5.4	Các đoạn còn lại thuộc đường Lê Văn Tám	360
<b>6</b>	<b>Đường Cao Bá Quát</b>	
6.1	Từ quốc lộ 20 đến ngã ba số nhà 07	480
6.2	Đoạn còn lại của đường Cao Bá Quát	240
<b>7</b>	<b>Đường Ngô Gia Khảm</b>	840
<b>8</b>	<b>Đường Nguyễn Thị Minh Khai</b>	1.200
8.1	Đường nhánh từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Lê Quý Đôn	840
<b>9</b>	<b>Đường Lê Quý Đôn</b>	1.200
<b>10</b>	<b>Đường Chu Văn An</b>	1.200
10.1	Nhánh số 1 (từ nhà số 10 đến nhà số 10/15)	300
10.2	Nhánh số 2 (từ nhà số 12A đến nhà số 12A/15)	300
<b>11</b>	<b>Đường Nguyễn Tri Phương</b>	
11.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba rẽ vào nghĩa trang	720
11.2	Đoạn còn lại của đường Nguyễn Tri Phương	300
<b>12</b>	<b>Đường Nguyễn Thiện Thuật</b>	
12.1	Từ Quốc lộ 20 đến hết nhà số 30 và 21	960
12.2	Đoạn còn lại của đường Nguyễn Thiện Thuật	420
<b>13</b>	<b>Đường Tô Hiến Thành</b>	
13.1	Từ đường Thống Nhất đến hết nhà số 40 và 11	960
13.2	Đoạn còn lại của đường Tô Hiến Thành	420
<b>14</b>	<b>Đường Phan Chu Trinh</b>	
14.1	Từ đường Thống Nhất đến hết nhà số 18 và 31	960
14.2	Đoạn còn lại của đường Phan Chu Trinh	420

**DVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>15</b>	<b>Đường Nguyễn Thái Học</b>	
15.1	Từ đường Thống Nhất đến hết 32B và 47	1.080
15.2	Đoạn còn lại của đường Nguyễn Thái Học	420
<b>16</b>	<b>Đường Phan Bội Châu</b>	
16.1	Từ đường Thống Nhất đến hết nhà 42 và giáp đất nhà số 37	960
16.2	Đoạn còn lại của đường Phan Bội Châu	420
<b>17</b>	<b>Đường Hàm Nghi</b>	
17.1	Từ đường Thống nhất đến hết nhà số 18 và 45	1.080
17.2	Đoạn còn lại của đường Hàm Nghi	420
<b>18</b>	<b>Đường Bùi Thị Xuân</b>	
18.1	Từ đường Thống nhất đến hết nhà số 15 và 54	1.080
18.2	Đoạn còn lại của đường Bùi Thị Xuân	360
<b>19</b>	<b>Đường Sư Vạn Hạnh</b>	
19.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã ba sát nhà số 44	1.080
19.2	Đoạn còn lại của đường Sư Vạn Hạnh	480
<b>20</b>	<b>Đường Cù Chính Lan</b>	
20.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã ba hết nhà số 43 và 46	1.080
20.2	Đoạn còn lại của đường Cù Chính Lan	420
<b>21</b>	<b>Đường Nguyễn Du</b>	
21.1	Từ đường Thống Nhất đến hết nhà số 18 và 31	960
21.2	Đoạn còn lại của đường Nguyễn Du	360
<b>22</b>	<b>Đường Lê Thánh Tông</b>	
22.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã ba hết nhà số 29 và 40	720
22.2	Đoạn còn lại của đường Lê Thánh Tông	300
<b>23</b>	<b>Đường Kim Đồng</b>	
23.1	Từ đường Thống Nhất đến hết nhà số 28 và 31	480
23.2	Đoạn còn lại của đường Kim Đồng	240

**DVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>24</b>	<b>Đường Tô Hiệu</b>	
24.1	Từ Thống Nhất đến hết đường	480
24.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 04 đến hết đường	360
24.3	Đường nhánh từ hết đất nhà số 42 đến hết đường	360
24.4	Đường nhánh từ hết đất nhà số 19 (từ nhà ông Ngoan Sang Kim Đồng)	180
<b>25</b>	<b>Đường Võ Thị Sáu</b>	
25.1	Từ đường Thống Nhất đến hết nhà số 18 và 59 (sát đoạn còn lại của Võ Thị Sáu)	480
25.1.1	Đoạn còn lại của đường Võ Thị Sáu	300
25.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 02 đến hết đường	300
<b>26</b>	<b>Đường Bé Văn Đàn</b>	
26.1	Từ đường Nguyễn Trãi đến hết trường Dân lập Trung Sơn	360
26.2	Đoạn còn lại của đường Bé Văn Đàn	240
<b>27</b>	<b>Đường Ngô Quyền</b>	
27.1	Từ đường Thống Nhất đến giáp trụ sở Khu phố 7	360
27.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 01 đến hết đường	300
27.3	Đoạn còn lại của đường Ngô Quyền	180
<b>28</b>	<b>Đường Quang Trung</b>	
28.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã tư hết nhà số 70 và 65	300
28.2	Đoạn còn lại của đường Quang Trung	216
<b>29</b>	<b>Đường Lê Lợi</b>	
29.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã tư hết nhà số 78 và 43	300
29.2	Đoạn còn lại của đường Lê Lợi	180
<b>30</b>	<b>Đường Hà giang</b>	240
<b>31</b>	<b>Đường Bạch Đằng</b>	
31.1	Từ đường Thống Nhất đến hết nhà số 08 và 03	300

**DVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
31.2	Đoạn còn lại của đường Bạch Đằng	180
<b>32</b>	<b>Đường Nguyễn Bá Ngọc</b>	240
<b>33</b>	<b>Đường Nguyễn Trãi</b>	
33.1	Từ ngã ba đường Bạch Đằng đến ngã tư đường Ngô Quyền	240
33.2	Từ ngã tư Ngô Quyền đến ngã tư đường Lê Thánh Tông	360
33.3	Từ ngã tư Lê Thánh Tông đến ngã ba đường Bùi Thị Xuân	660
33.4	Từ ngã ba Hàm Nghi đến ngã ba đường Phan Chu Trinh	600
<b>34</b>	<b>Đường Nguyễn Đình Chiểu</b>	
34.1	Từ đường Hoàng Văn Thụ đến ngã tư đường Lý Thường Kiệt	360
34.2	Đoạn còn lại của đường Nguyễn Đình Chiểu	240
<b>35</b>	<b>Đường Thống Nhất</b>	
35.1	Từ giáp xã Phú Hội đến ngã ba đường Bạch Đằng	720
35.2	Từ ngã ba đường Bạch Đằng đến ngã ba đường Võ Thị Sáu	1.320
35.3	Từ ngã ba đường Võ Thị Sáu đến ngã tư đường Hoàng Văn Thụ	1.920
35.4	Từ ngã tư Hoàng Văn Thụ đến ngã ba đường Trần Hưng Đạo	3.600
35.5	Từ ngã ba Trần Hưng Đạo đến ngã ba đường Hàm Nghi	4.800
35.6	Từ ngã ba đường Hàm Nghi đến ngã ba Phan Chu Trinh Km270 (giáp đường Nguyễn Thiện Thuật)	4.200
35.7	Từ ngã ba Phan Chu Trinh đến ngã ba Km270 ( giáp đường Nguyễn Thiện Thuật)	3.600
35.8	Đường nhánh đường Thống Nhất	
35.8.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 27 đến hết nhà 27/31	720
35.8.2	Đoạn còn lại của đường nhánh từ nhà 27/31 đến hết đường	360
35.8.3	Đường nhánh từ hết đất nhà số 40 đến hết đường	960
35.8.4	Đường nhánh từ hết đất nhà số 124 ( đường Phế binh cũ)	960

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
35.8.5	Đường nhánh từ hết đất nhà số 176 đến hết đường	960
35.8.6	Các đường nhánh của đoạn giáp xã Phú Hội đến ngã 3 Bạch Đằng	240
<b>36</b>	<b>Đường Hoàng Văn Thụ</b>	
36.1	Từ đường Thống Nhất đến ngã tư Lý Thường Kiệt ngã ba duy tu	1.800
36.2	Từ ngã tư Lý Thường Kiệt đến ngã ba duy tu	1.560
36.2.1	Các đường nhánh thuộc đoạn từ đường Thống Nhất đến ngã 3 Duy Tu	240
36.3	Từ ngã ba duy tu đến ngã ba ra trường Tiểu học Nam Sơn	1.200
36.3.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 179 đến hết nhà số 179/4	360
36.3.2	Đoạn còn lại ( 2 nhánh còn lại)	240
36.4	Từ ngã ba ra trường Tiểu học Nam Sơn đến Quốc lộ 20 (gần trụ sở khu phố 10)	840
<b>37</b>	<b>Đường Trần Hưng Đạo</b>	5.400
37.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 127 Trần Hưng Đạo đến hết đường	1.800
37.2	Đường nhánh từ hết đất nhà số 131 Trần Hưng Đạo đến hết đường	1.800
<b>38</b>	<b>Đường Lê Anh Xuân</b>	4.800
<b>39</b>	<b>Đường Duy Tân</b>	4.800
<b>40</b>	<b>Đường Hải Thượng Lãn Ông</b>	4.800
<b>41</b>	<b>Đường Hai Bà Trưng</b>	5.400
<b>42</b>	<b>Đường Ngô Gia Tự</b>	2.400
<b>43</b>	<b>Đường 2-4</b>	2.400
43.1	Đường nhánh từ đường 2/4 đến Hai Bà Trưng	1.200
<b>44</b>	<b>Đường Phạm Văn Đồng</b>	6.000
<b>45</b>	<b>Đường nối đường Trần Hưng Đạo đến đường Hải Thượng Lãn Ông</b>	4.800

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>46</b>	<b>Đường nối đường Trần Hưng Đạo đến đường Hai Bà Trưng</b>	4.800
<b>47</b>	<b>Đường Hoàng Quốc Việt</b>	4.800
<b>48</b>	<b>Đường Phan Huy Chú</b>	4.200
<b>49</b>	<b>Đường Nguyễn Công Hoan</b>	3.600
<b>50</b>	<b>Đường Nguyễn Bình Khiêm</b>	1.920
<b>51</b>	<b>Đường Trần Quốc Toản</b>	1.440
51.1	Đường nhánh từ hết đất nhà số 30 đến đường Trần Hưng Đạo.	1.440
<b>52</b>	<b>Đường Lý Thường Kiệt</b>	
52.1	Từ đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Hoàng Văn Thụ	3,000
52.2	Đoạn còn lại của đường Lý Thường Kiệt	360
<b>53</b>	<b>Đường Nguyễn Khuyến</b>	1.440
<b>54</b>	<b>Đường Phan Đình Phùng ( từ Hoàng Văn Thụ đến QL 20 )</b>	1.200
<b>55</b>	<b>Đường Hồ Xuân Hương</b>	
55.1	Đoạn từ Quốc lộ 20 đến hết hồ Nam Sơn	600
55.2	Đoạn còn lại của đường Hồ Xuân Hương	480
<b>56</b>	<b>Đường Lê Hồng Phong</b>	
56.1	Từ quốc lộ 20 đến ngã tư chùa Hải Đức	1.800
56.2	Từ ngã tư chùa Hải Đức đến hết đất nhà ông Ngự	1.080
56.3	Từ hết đất nhà ông Ngự đến hết trường Nghĩa Hiệp	840
56.4	Đoạn còn lại của đường Lê Hồng Phong	480
<b>57</b>	<b>Khu tái định cư lô 90</b>	
57.1	Mặt đường rộng 10 mét	1.440
57.2	Mặt đường rộng 6 mét	1.080
57.3	Mặt đường rộng 4 mét	840
<b>58</b>	<b>Khu Nam sông Đa Nhim</b>	120
<b>GIÁ ĐẤT QUY HOẠCH TÂY NAM SƠN:</b>		

**DVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>1</b>	<b>Đường Đào Duy Từ</b>	1.440
	Các đường nhánh của đường Đào Duy Từ đi vào lô Thanh Thanh	960
<b>2</b>	<b>Đường Nguyễn Trung Trực</b>	1.080
<b>3</b>	<b>Đường Tú Xương</b>	1.080
<b>4</b>	<b>Đường Phạm Ngọc Thạch</b>	1.080
<b>5</b>	<b>Đường Phạm Hồng Thái</b>	840
<b>6</b>	<b>Đường Trần Nhân Tông</b>	
6.1	Từ hết đất huyện đoàn đến ngã ba Tú Xương	2.040
6.2	Từ ngã ba Tú Xương đến đường Đào Duy Từ	1.440
<b>7</b>	<b>Đường Phạm Ngũ Lão</b>	
7.1	Đoạn Đoàn Thị Điểm đến Đào Duy Từ	1.080
7.2	Đoạn từ Đào Duy Từ đến giáp khu quy hoạch lô Thanh Thanh	960
<b>8</b>	<b>Đường Xuân Thủy</b>	1.200
<b>9</b>	<b>Đường Đoàn Thị Điểm</b>	1.080
<b>10</b>	<b>Đường Tô Vĩnh Diện</b>	
10.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba đường Đoàn Thị Điểm	1.560
10.2	Từ Ngã ba Đoàn Thị Điểm đến ngã ba Nguyễn Trung Trực	1.080
10.3	Từ ngã ba Nguyễn Trung Trực đến giáp đường Trần Phú	840
<b>11</b>	<b>Đường Trần Phú</b>	
11.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba Xuân Thủy	3.000
11.2	Từ ngã ba Xuân Thủy đến ngã Ba Phạm Hùng.	2.400
11.3	Từ ngã ba Phạm Hùng đến ngã ba Đào Duy Từ	1.800
11.4	Từ ngã ba Đào Duy Từ đến giáp Thanh Thanh	1.440
<b>12</b>	<b>Đường Nguyễn Văn Linh</b>	
12.1	Từ giáp Quốc lộ 20 đến ngã ba Phan Đăng Lưu	1.800
12.2	Từ ngã ba Phan Đăng Lưu đến ngã tư Phạm Hùng	1.200
12.3	Từ ngã tư Phạm Hùng đến ngã tư Huỳnh Thúc Kháng	840

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
12.4	Từ ngã tư Huỳnh Thúc Kháng đến đường Nguyễn Văn Cừ	480
<b>13</b>	<b>Đường trục 78 – 79</b>	720
<b>14</b>	<b>Đường Huỳnh Thúc Kháng</b>	480
<b>15</b>	<b>Đường Đinh Tiên Hoàng</b>	
15.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã tư Phan Đăng Lưu	1.440
15.2	Từ ngã tư Phan Đăng Lưu đến ngã tư Trường Chinh	1.200
15.3	Từ ngã tư Trường Chinh đến ngã ba Huỳnh Thúc Kháng	960
15.4	Từ ngã ba Huỳnh Thúc Kháng đến đường Nguyễn Văn Cừ	600
<b>16</b>	<b>Đường nhánh 564</b>	600
<b>17</b>	<b>Đường Hà Huy Tập</b>	
17.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã tư Phan Đăng Lưu	1.440
17.2	Từ ngã tư Phan Đăng Lưu đến ngã tư Trường Chinh	1.200
17.3	Từ ngã tư Trường Chinh đến ngã tư An Dương Vương	720
17.4	Từ ngã tư An Dương Vương đến đường Nguyễn Văn Cừ	480
<b>18</b>	<b>Đường Lê Thị Hồng Gấm</b>	
18.1	Từ ngã tư Phan Đăng Lưu đến ngã ba An Dương Vương	840
18.2	Từ ngã ba An Dương Vương đến ngã ba Nguyễn Văn Cừ	480
<b>19</b>	<b>Đường trục 87 –100</b>	420
<b>20</b>	<b>Đường An Dương Vương</b>	480
<b>21</b>	<b>Đường Tăng Bạt Hổ</b>	600
<b>22</b>	<b>Đường Phan Đăng Lưu</b>	
22.1	Từ ngã ba Phan Đình Phùng đến ngã tư Hà Huy Tập	960
22.2	Từ ngã tư Hà Huy Tập đến đường Nguyễn Văn Linh	1.320
<b>23</b>	<b>Đường Phan Đình Phùng</b>	
23.1	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba Phan Đăng Lưu	1.440
23.2	Từ ngã ba Phan Đăng Lưu đến ngã tư Trường Chinh	1.080

**DVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
23.3	Từ ngã tư Trường Chinh giáp ngã tư Lý Thái Tổ	840
<b>24</b>	<b>Đường Lý Thái Tổ</b>	
24.1	Từ đường Trường Chinh đến ngã tư Phan Đình Phùng	600
<b>25</b>	<b>Đường Trường Chinh</b>	
25.1	Ngã ba Phan Đình Phùng đến ngã tư Trường Chinh	720
25.2	Từ đường Trường Chinh đến đường Trần Phú	840
<b>26</b>	<b>Đường Phạm Hùng</b>	
26.1	Ngã ba Phan Đình Phùng đến ngã tư Đinh Tiên Hoàng	960
26.2	Ngã tư Đinh Tiên hoàng đến ngã ba Trần Phú	1.080
<b>27</b>	<b>Đường Bà Triệu</b>	960
<b>CÁC ĐOẠN THUỘC KHU QUY HOẠCH THANH THANH:</b>		
1	Đường đôi thuộc khu quy hoạch Thanh Thanh	1.440
2	Đoạn giáp chợ đầu mối từ Lê Hồng Phong đến hết đoạn thẳng	1.440
3	Đoạn còn lại giáp chợ đầu mối	1.080
4	Các trục còn lại của khu quy hoạch Thanh Thanh	1.080

**B. ĐẤT DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ:**

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

STT	ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH	Đơn giá đất
<b>I</b>	<b>Xã Hiệp An</b>	
	<b>Khu vực 1:</b>	
1	Đường quốc lộ 20 qua địa bàn xã từ giáp xã Hiệp Thạnh đến giáp địa phận Đà Lạt.	960
2	Các đường nhánh từ QL 20 đi vào.	
	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba Công ty vàng, bạc, đá quý	216
	Từ Quốc lộ 20 vào nghĩa trang đến ngã ba nhà Thao Hùng	180
	Từ ngã ba nhà Nga Hiếu đến ngã ba sát nhà ông Lê Văn Ba	240
	Từ ngã ba quạt gió đến ngã ba kho xưởng (Quốc lộ 20 cũ)	180
	Đường vào thôn K'Long C đến giáp công mương thủy lợi	180
	Đường vào thôn Tân An đến ngã ba cây Đa	216
	Đường sát trường THCS đến mương thủy lợi	180
	Đường vào thôn K'Rèn đến ngã ba nhà thờ	180
	Từ ngã ba nhà thờ Prenn đến hết đất vườn ông Vi Quốc Bảo	120
	Các đoạn còn lại của các trục trên	144
	* Các đoạn đường quy hoạch tái định cư xã Hiệp An:	
	- Đoạn từ quốc lộ 20 vào đến 50m	624
	- Đoạn từ quốc lộ 20 vào từ 50m đến 100m	528
	- Đoạn từ quốc lộ 20 vào từ 100m đến 200m	480
	Các nhánh từ quốc lộ 20 đi vào còn lại ( từ quốc lộ 20 đi vào có mặt đường rộng từ 2m đến 3m)	144
	Từ quốc lộ 20 đến cổng làng nghề K'Long	180
3	Ngã ba vào thôn Đarahoa đến giáp đường vào mỏ đá	180
	<b>Khu Vực 2</b>	
1	Các đoạn đường liên thôn xóm còn lại	120

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	<b>Khu Vực 3</b>	
1	Các khu vực còn lại	84
<b>II</b>	<b>Xã Hiệp Thạnh</b>	
	<b>Khu Vực 1</b>	
1	Đường Quốc lộ 20	
	Từ giáp thị trấn Liên Nghĩa đến ngã ba vào khu tập thể cà phê cũ	1200
	Từ ngã ba vào khu tập thể cà phê cũ đến ngã ba đường vào kho muối	1680
	Từ ngã ba đường vào kho muối đến giáp trụ sở UBND xã mới	2160
	Từ UBND xã mới đến hết trường Quảng Hiệp	1200
	Từ trường Quảng Hiệp đến giáp xã Hiệp An	960
2	Đường Quốc lộ 27	
	Từ trung tâm ngã 3 Fimnôm đến hết cây xăng Hạnh Phúc	1440
	Từ hết cây xăng Hạnh Phúc đến cầu Fimnôm	1200
	Từ cầu Fimnôm đến giáp huyện Đơn Dương	600
	<b>Khu Vực 2</b>	
1	Đường Bồng Lai:	
	Từ Quốc lộ 20 đến ngã ba nhà ông Lê Phước Mỹ.	360
	Từ nhà ông Lê Phước Mỹ đến đường vào chùa An Sơn	480
	Từ chùa An Sơn đến chùa Phật Mẫu	300
	Từ chùa Phật mẫu đến giáp cầu sắt huyện Đơn Dương	120
	Các trục đường đường liên thôn ( Từ QL20 đi vào thôn Phú Thạnh)	
	Đường cạnh nhà thờ Liên Khương đến ngã ba trục thôn Phú Thạnh	180
	Đường vào trường tiểu học Phú Thạnh đến ngã ba trục thôn Phú Thạnh	180
	Đường ngã ba ông Trần Nại đến ngã ba trục thôn Phú Thạnh	180
	Đường ngã ba nhà ông Sáu Cư đến ngã ba trục thôn Phú Thạnh	180
	Đường vào nghĩa trang đến ngã ba trục thôn Phú Thạnh	180
	Đường cạnh quán cơm Ngọc Hạnh đến hết nhà ông Tám Sung	180
	Đường cạnh nhà ông Hà Sơn đến hết nhà ông Trần Quốc Tuấn	180

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Đường trục liên thôn Phú Thạnh – Fimnôm	180
	Đường vào kho muối đến cầu kho muối	180
	Đường vào thủy điện Quảng Hiệp đến giáp suối	180
	Đường từ ngã ba trại cá Trung Kiên đi lò gạch 7/5	180
	Đường từ quốc lộ 20 vào công ty công ty thuốc lá đến đầu trụ sở công ty thuốc lá	180
	Đường ông Tàu Lý đến hết đất ông Mạnh	180
	Đường Quốc lộ 20 đến ngã ba khu tập thể cà phê cũ	180
	Từ ngã ba ông Phát đến nương thủy lợi vượt cấp Quảng Hiệp	144
	Trục thôn Phú Thạnh từ nghĩa trang đến ngã ba trường tiểu học	144
	Ngã ba Quốc lộ 20 giáp nhà ông Hà đến giáp đường trục thôn Quảng Hiệp	180
	Ngã ba Quốc lộ 20 giáp nhà ông Lê Phước Thiện đến giáp đường trục thôn Quảng Hiệp	180
	Các trục đường liên thôn còn lại (mặt đường rộng trên 3m)	96
	<b>Khu Vực 3</b>	
	Các khu vực còn lại	60
<b>III</b>	<b>Xã Liên Hiệp</b>	
	<b>Khu Vực 1</b>	
	Đường Quốc lộ 27	
	Từ giáp TT Liên Nghĩa đến giáp UBND xã Liên Hiệp	1080
	Từ giáp UBND xã Liên Hiệp đến ngã ba giáp nhà ông Thạnh	1080
	Từ ngã ba nhà ông Thạnh đến hết ngã ba vào kho lương thực	840
	Từ hết ngã ba vào kho lương thực đến Km4	600
	Từ Km4 đến giáp xã N'Thôn Hạ	480
	<b>Khu Vực 2</b>	
1	Đường công vàng vào ngã ba nhà thờ	

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ ngã ba cổng vàng đến giáp ngã tư thứ nhất	660
	Từ ngã tư thứ nhất đến giáp ngã tư thứ hai	660
	Từ ngã tư thứ hai đến ngã ba nhà thờ	540
<b>2</b>	<b>Các trục đường liên thôn</b>	
	Từ ngã ba nhà thờ An Hoà đến ngã tư nhà ông Trần Diệu	240
	Từ Ngã ba nhà thờ An Hoà đến nương thuỷ lợi xây	240
	Từ nương thuỷ lợi xây đến hết trường tiểu học Gan Reo	204
	Từ ngã ba nhà thờ An Hoà đến giáp Nghĩa Trang An Hiệp	204
	Từ ngã tư nhà ông Trần Diệu đến giáp khu phố 6	204
	Từ giáp khu phố 6 đến giáp đường cao tốc	240
	Từ ngã tư Chùa đến ngã ba hết đất nhà ông Ngự	1080
	Từ Giáp đất ông Ngự đến ngã tư trạm điện Nông trường Ngô	840
	Từ ngã tư trạm điện Nông trường Ngô đến giáp xã N'Thôn Hạ	480
	Từ ngã tư chùa đến giáp ngã ba phi trường	1080
	Các trục đường liên thôn còn lại (mặt đường rộng từ 3m trở lên)	180
	<b>Khu Vực 3</b>	
	Các khu vực còn lại	96
<b>IV</b>	<b>Xã N'Thôn Hạ</b>	
	<b>Khu Vực 1</b>	
<b>1</b>	<b>Đường Quốc lộ 27</b>	
	Từ giáp Liên Hiệp đến ngã ba đường vào mỏ đá N'Thôn Hạ	240
	Từ ngã ba vào mỏ đá đến ngã ba hồ Sre Kil thôn Đoàn kết	300
	Từ ngã ba vào hồ Sre Kinl đến giáp xã Bình Thạnh	216
<b>2</b>	<b>Đường đi Nam Ban</b>	
	Từ ngã ba cửa rừng đến cống băng qua đường	300
	Từ cống băng qua đường vào 400m	180
	Đoạn còn lại đến giáp xã Gia Lâm ( huyện Lâm Hà)	120

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	<b>Khu vực 2</b>	
1	Các tuyến đường liên thôn	
	Đường ngã ba trạm xá đến ngã ba ông Ha Chú B	300
	Đoạn còn lại đi Nghĩa Lâm	240
	Từ nhà ông Ha Chú B đến nhà thờ Bon Kron	180
	Các trục đường liên thôn mặt đường rộng trên 3m	72
	<b>Khu Vực 3</b>	
	Các khu vực còn lại	48
<b>V</b>	<b>Xã Bình Thạnh</b>	
	<b>Khu vực 1</b>	
	<b>Đường Quốc lộ 27</b>	
	Từ giáp xã N'Thôn Hạ đến hết UBND Xã Bình Thạnh	240
	Từ giáp UBND xã Bình Thạnh đến cổng nghĩa trang Thanh Bình	300
	Từ cổng nghĩa trang Thanh Bình đến cầu Thanh Bình	360
	Từ cầu Thanh Bình đến ngã ba xóm 3 đi Kim Phát	300
	Từ ngã ba xóm 3 đến giáp Lâm Hà	216
	<b>Khu vực 2</b>	
1	Đường Liên xã: Đường từ Tân Hội đi Lâm Hà	120
2	Đường Liên thôn:	
	Từ ngã ba bà Oai đến ngã ba ông Thái (Thanh Bình)	120
	Từ ngã tư ông Thiên ( Thanh Bình 2) đến giáp sông Cam Ly	120
	Đường ngã tư chợ đến sông Cam Ly	120
	Đường ngã tư nhà ông Hiểu đến ngã ba nhà ông Chư	120
	Ngã tư HTX Thanh Bình 1 đến ngã ba nhà bà Hồng	120
	Từ ngã ba nhà ông Viễn đến ngã ba nhà ông Dưỡng	120
	Từ ngã ba nhà ông Thanh đến ngã ba nhà ông Ban	120
	Từ ngã ba nhà ông Vũ Tinh đến ngã tư nhà ông Hương	120
	Từ ngã ba nhà ông Đầu đến ngã tư nhà ông Hứa	120

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ ngã ba nhà ông Việt đến ngã ba nhà ông Thường	120
	Từ ngã ba đường lò gạch đến cầu mới	120
	Từ ngã ba sân bóng đến giáp đến giáp sông Cam Ly	120
	Từ ngã ba nhà thờ Thanh Bình đến ngã ba nhà ông Tập	120
	Từ ngã ba nhà ông Ký đến ngã ba nhà ông Phương	120
	Từ ngã ba nhà ông Hào đến giáp nương thủy lợi	120
	Từ ngã ba nhà ông Quang đến ngã ba nhà ông Kỳ	120
	Các trục đường liên thôn còn lại	72
	<b>Khu vực 3</b>	
	Các khu vực còn lại	48
<b>VI</b>	<b>Xã Phú Hội</b>	
1	Đường Quốc lộ 20:	
	- Từ giáp TT Liên Nghĩa đến cách ngã ba xóm Chung 100m (về hướng Liên Nghĩa).	960
	- Đoạn còn lại từ ngã ba xóm Chung đến qua ngã ba Tân Hội 100m	960
	- Đoạn còn lại đến cầu Đại Ninh	720
2	Đường vào xã Tân Hội	
	-Từ ngã 3 Tân hội vào 200 mét	480
	- Đoạn còn lại đến giáp xã Tân hội	300
3	Đường Thống nhất kéo dài đến ngã 3 Xóm chung	
	-Từ giáp TT Liên nghĩa đến cổng nghĩa trang Phú Hội	480
	- Đoạn còn lại đến ngã 3 Xóm chung	360
4	Đường thôn Phú Trung (nối đường thống nhất với QL 20)	300
5	Hẻm 1185 (Ranh Phú Hội - Liên Nghĩa đi Phú Hội)	300
6	Hẻm 1122 ( ranh Phú Hội – Liên Nghĩa đi Tân Phú)	
	- Từ Quốc lộ 20 vào 100m	300
	- Đoạn còn lại	180

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
7	Đường đi Pré đoạn từ giáp đường Thống Nhất đến suối đá	180
8	Khu Tái định cư thôn Phú Hòa	300
9	Khu tái định cư thôn Pré	120
	<b>Khu vực 2</b>	
1	Đường đi thác PouGouh từ QL20 đến giáp chân Ruộng	240
2	Từ giáp chân ruộng ( đường đi thác PouGouh) đến giáp xã Tân Thành.	120
3	Đường xóm 1 thôn Phú An ( Quốc lộ 20 đi cầu treo)	240
4	Đường từ Quốc lộ 20 vào khu A Chi Rông đến cuối làng	180
5	Đường từ Quốc lộ 20 vào khu B Chi Rông đến hết nhà YaBê	120
6	Đường từ Quốc lộ 20 vào khu 5 (thôn R'Chai 1) đến hết đất nhà Ha K'Ra	120
7	Đường từ Quốc lộ 20 vào khu 6 ( thôn R'Chai 1) đến hết đất nhà K'Biên	120
8	Các khu vực đường liên thôn còn lại ( mặt đường rộng từ 3m trở lên)	84
	<b>Khu vực 3</b>	
	Các khu vực còn lại	60
<b>VII</b>	<b>Xã Tân Hội</b>	
	<b>Khu Vực 1</b>	
1	Tuyến đường Liên Huyện	
	Từ giáp xã Phú Hội đến hết ngã ba đi Tân Thành (Xóm 1 Tân Đà)	240
	Từ ngã ba đi Tân Thành đến hết trường tiểu học Tân Đà	300
	Từ trường tiểu học Tân đà đến ngã tư Tân Đà-Tân Trung-Tân Lập.	420
	Từ ngã tư đến cổng 1 xóm 1 Tân Trung	480
	Từ cổng số 1 xóm 1 thôn Tân trung đến giáp khu đất quy hoạch chợ Tân Hội	540
	Từ giáp khu đất quy hoạch chợ Tân Hội đến hết ngã ba đường 3/2 xóm 2 Tân Hiệp	720
	Từ ngã ba giáp đường 3/2 đến hết hội trường thôn Tân Hiệp	480
	Từ Hội trường thôn Tân Hiệp đến hết ngã ba Tân Hiệp - Ba Cản	360
	Từ ngã ba Ba Cản đến cổng số 2 hết thôn Ba Cản	300

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ giáp thôn Ba Cản đến ngã ba đi Đình Văn-Bình Thạnh	240
	Từ ngã ba đi Đình Văn – Bình Thạnh đến giáp huyện Lâm Hà	180
2	Tuyến đường liên xã	
	Từ giáp đường liên huyện đến giáp sân bóng Tân Hội	720
	Từ ngã ba đi Tân thành thuộc xóm 1 Tân Đà đến giáp xã Tân Thành	240
	Từ ngã ba giáp đường 3/2 đến cổng số 1 đường 3/2	480
	Từ cổng số 1 đường 3/2 đến cổng số 2 giáp xã Tân Thành	300
	<b>Khu Vực 2</b>	
1	Tuyến đường Liên xã	
	Từ ngã ba Tân Hiệp- Ba Cản đến giáp Tân Thành	96
	Từ ngã ba đường đi Đình Văn- Bình Thạnh đến giáp xã Bình Thạnh	96
	Từ giáp sân bóng xã Tân Hội đến hồ Suối Dứa	180
	Từ hồ suối Dứa theo đường liên thôn Tân An-Tân Phú đến giáp xã Phú Hội	96
	Từ trạm Y tế xã đi Láng Cam đến xóm 2 Tân Trung	120
	Đường xóm 2 thôn Tân An	96
	Đường xóm 2 thôn Ba Cản	96
	Đường từ cuối thôn Ba Cản đến giáp đường liên thôn Tân An – Tân Phú	96
	<b>Khu Vực 3</b>	
	Các khu vực còn lại	60
<b>VIII</b>	<b>Xã Tân Thành.</b>	
1	Tuyến Liên huyện: Từ Phú Hội đến cổng giáp ranh xã Tân Hội	240
2	Tuyến liên xã:	
	Từ cổng địa giới đến hết nhà ông Nguyễn Hoàng.	108

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ nhà ông Nguyễn Hoàng đến hết đất nhà ông Lộc Văn Trí	84
	Từ nhà ông Lộc Văn Trí đến hết đất nhà ông Hiền	72
	Từ giáp đất ông Hiền đến giáp nhà ông Nông Phùng Quý	108
	Từ đất nhà ông Phùng Quý đến giáp đất nhà ông Hà Thanh Nghị	144
	Từ đất nhà ông Hà Thanh Nghị đến hết đất nhà ông Vy Minh Thành	120
	Từ giáp đất nhà ông Vy Minh Thành đến hết đất bà Dìn Thị Lộc	96
	Từ giáp đất bà Dìn Thị Lộc đến hết đất nhà bà Sĩ Bá Thanh	132
	Từ giáp đất nhà bà Sĩ Bá Thanh đến hết đất nhà ông Nguyễn Thiện	144
	Từ giáp đất nhà ông Nguyễn Thiện đến hết đất nhà ông Nguyễn Ngô	108
	Từ giáp đất nhà ông Nguyễn Ngô đến hết đất nhà ông Bùi Phú Quốc	96
	Từ giáp đất nhà ông Bùi Phú Quốc đến hết đất nhà bà Bảy	120
	Từ giáp đất nhà bà Bảy đến giáp đất nhà ông Đỗ Tiên Lãng	84
	Từ đất nhà ông Đỗ Tiên Lãng đến cầu Kon Tắc Đa	108
	Từ cống giáp ranh xã Tân Hội đến ngã tư đường liên xã (đường 3/2)	144
3	Tuyến Liên thôn.	
	Từ cống đội 9 Tân Hội đến ngã ba vào hầm cát	84
	Từ hội trường thôn Tân Thịnh đến ngã ba nhà bà Phú	72
	Từ nhà ông Linh Văn Vinh đến hết đất nhà ông Chu Văn Thèn	72
	Từ ngã ba hầm cát đến hết đất nhà ông Hứa Văn Phước	60
	Từ ngã ba nhà ông Hoàng Mộng Hùng đến nhà ông Lò Xuân Hà	84
	Các tuyến liên thôn, xóm có bề rộng từ 3m trở lên	48
	Các khu vực còn lại	36
<b>IX</b>	<b>Xã Ninh Gia</b>	
	<b>Khu vực 1:</b>	
1	Đường Quốc lộ 20:	
	Từ cầu Đại Ninh đến nhà Hồ Thị Hoàng	840
	Từ nhà Hồ Thị Hoàng đến đầu dốc Đăng Sol (nhà Mỹ Lê)	1200
	Từ đầu dốc Đăng Sol đến cống Đăng Sol	600
	Từ cống Đăng Sol đến cầu Hiệp Thuận	420

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ cầu Hiệp Thuận đến ngã ba Tân Phú	300
	Từ ngã ba Tân Phú đến cầu le	180
2	Đường Vào Tà Hine.	
	Nhánh cũ (từ Quốc lộ 20 đến hết nhà Hồ Xuân Lưu)	720
	Nhánh mới tiếp giáp nhánh cũ (từ QL20 đến hết nhà ông Phiên)	600
	Từ ngã ba nhánh cũ và mới đến hết địa bàn thôn Ninh Hòa (nhà ông Lê Văn Hiếu)	360
	Từ giáp địa bàn thôn Ninh Hòa đến đường vào tiểu đoàn 840	240
	Từ tiểu đoàn 840 đến cầu Đăkka (giáp xã Ta Hine)	120
3	Đường vào thôn Thiện Chí ( từ giáp đường QL20 đến hết khu tái định cư của đồng bào dân tộc thôn 6):	
	Giáp QL20 hết đất nhà ông Lạng	360
	Từ nhà ông Lạng đến hết khu tái định cư	180
	<b>Khu vực 2</b>	
1	Các trục đường Liên thôn(QL20 đi vào).	
	Từ nhà hàng Go Go đến mương thoát nước( trụ điện đôi)	240
	Từ ngã ba nhà ông Non đến ngã ba nhà Ô. Liên	300
	Từ ngã ba nhà ông Năng đến hết đất bà Phượng	300
	Từ ngã ba nhà ông Tính đến hết đất ông Đẩu	300
	Từ ngã ba nhà ông Chương đến ngã ba nhà ông Sinh	360
	Đường vào thôn 6: Từ Nhà ông Ha Sang đến mương nước nhà ông Bình	120
	Các trục đường liên thôn còn lại	84
	<b>Khu vực 3</b>	
	Các khu vực còn lại	48
<b>X</b>	<b>Xã Tà Hine</b>	
1	Giáp xã Ninh Gia (từ cầu Đăkkra) đến giáp xã Ninh Loan	72
2	Từ đầu nhà văn hóa đến mương thủy lợi	120
3	Từ mương thủy lợi đến giáp xã Đà Loan	72

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
4	Từ ngã ba đi Đà Loan đến ngã ba thác Bảo Đại	144
5	Từ ngã ba thác Bảo Đại đến thác Bảo Đại	96
6	Các trục đường chính liên thôn	48
7	Các khu vực còn lại	36
<b>XI</b>	<b>Xã Ninh Loan</b>	
1	Đường Liên tỉnh ( tuyến đi Bắc Bình):	
	Từ giáp xã Tà Hine đến ngã ba ông Tứ	96
	Từ ngã ba ông Tứ đến ngã ba vào nhà ông Thanh ( Thôn 3)	120
	Từ ngã ba ông Thanh đến cầu gần trường THCS	144
	Từ cầu đến ngã ba thôn 6	120
	Từ ngã ba thôn 6 đến hết nhà ông Điện	96
	Từ giáp nhà ông Điện đến giáp Bắc Bình	72
2	Đường Liên xã từ ngã ba ông Tứ đi Đà Loan	96
3	Đường vào UBND xã ( từ ngã 3 đường liên tỉnh đến ngã ba đi thôn 10)	96
4	Các trục đường còn lại	
	Từ ngã ba thôn 10 đến hết đất nhà ông Mi	60
	Từ nhà ông Mi đến ngã ba nhà mò	48
	Từ ngã ba nhà mò đến hết sân bóng	36
	Từ ngã ba trạm xá đến hết đất nhà ông Hân (thôn 5)	60
	Từ ngã ba ông Đạt đến ngã ba đến ngã ba cây đa	72
	Từ ngã ba thôn 6 đến ngã ba nhà ông Mô (thôn 6)	48
	Từ ngã ba nhà ông Mô đến ngã ba nhà ông Sơn (thôn 11)	36
	Từ ngã ba thôn 10 tới ngã ba nhà ông Vực	36
	Từ hết chợ qua HTX đến đường Liên tỉnh	72
	Từ ngã ba nhà ông Thiêm đến ngã ba nhà ông Long	36
	Từ ngã ba nhà ông Vượng đến ngã ba nhà ông Nhâm	36
	Ngã ba nhà ông Đình ( thôn 3) đến hết thôn 2	36
5	Các khu vực còn lại	30

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>XII</b>	<b>Xã Đà Loan</b>	
	<b>Khu vực 1</b>	
1	Đường trục chính Liên xã	
	Từ giáp xã Tà Hine đến ngã ba thôn 1	96
	Từ ngã ba thôn 1 đến cầu thôn 2	144
	Từ cầu thôn 2 đến hết Trường tiểu học Đà Loan ngã ba đường vào sân bóng	300
	Từ hết trường tiểu học Đà Loan đến ngã tư đi thôn 7	480
	Từ ngã tư đi thôn 7 đến cầu Bà Bống	240
	Từ cầu Bà Bống đến ngã ba lên lò gạch	120
	Từ ngã ba lên lò gạch đến giáp xã Tà Năng	96
2	Đường thuộc khu quy hoạch trung tâm cụm xã Đà Loan	144
	<b>Khu vực 2</b>	
	Các trục đường chính liên thôn	72
	<b>Khu vực 3</b>	
	Các trục đường còn lại	36
<b>XIII</b>	<b>Xã Tà Năng</b>	
1	Giáp xã Đà Loan đến cầu dốc đỏ Khăm Prong	72
2	Cầu dốc đỏ đến cầu trạm xá	96
3	Từ cầu trạm xá đến ngã tư trung tâm xã	144
4	Từ ngã tư trung tâm xã đến ngã ba cầu vồng	72
5	Từ ngã ba cầu vồng đến cầu suối trong ( sát nhà Hà Thế)	84
6	Từ cầu suối trong đến hết đường nhựa Ma Bó (Ha Ma Woai)	48
7	Các đường liên thôn xe ba bốn bánh ra vào đước	36
8	Các khu vực còn lại	30

**C. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP:**

Giá đất phi nông nghiệp đước xác định theo từng mục đích sử dụng:

1. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng, đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ); đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật, bằng giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất.

2. Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, bằng 60% giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất.

3. Đối với đất sử dụng vào các mục đích công cộng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP và các loại đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động; đất đô thị được sử dụng để xây dựng nhà phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp, bằng 85% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp liền kề hoặc giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại vùng lân cận gần nhất quy định tại điểm 2 trên đây.

4. Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, bằng 50% mức giá của đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại vùng lân cận gần nhất quy định tại điểm 2 trên đây.

#### **D. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:**

Đất sản xuất nông nghiệp được chia thành 3 khu vực 1, 2, 3 và qui định cho các vị trí 1, 2, 3 cụ thể:

- Khu vực:

Khu vực 1: Đất nông nghiệp thuộc địa bàn các xã Hiệp An, Hiệp Thạnh, Liên Hiệp và thị trấn Liên Nghĩa

Khu vực 2: Đất nông nghiệp thuộc địa bàn các xã Bình Thạnh, N'Thôn Hạ, Phú Hội, Tân Hội, Tân Thành và xã Ninh Gia

Khu vực 3: Đất nông nghiệp thuộc địa bàn các xã Ninh Loan, Tà Hine, Đà Loan và xã Tà Năng.

Vị trí 1: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi 500m.

Vị trí 2: là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi trên 500m đến 1000m.

Vị trí 3: Các vị trí còn lại.

#### **I.Giá đất trồng cây hàng năm:**

**DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

Số TT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	36	29	18
2	Khu vực 2	29	23	14
3	Khu vực 3	18	14	9

## II. Giá đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản:

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

Số TT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	30	24	15
2	Khu vực 2	24	19	12
3	Khu vực 3	15	12	8

## III. Giá đất vườn, ao, đất nông nghiệp xen kẽ:

a) Giá đất trong các trường hợp sau được qui định bằng 1,5 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn các xã.

Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu vực dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

b) Giá đất trong các trường hợp sau được qui định bằng 02 lần mức giá đất trồng cây lâu năm của vùng có đất vườn, ao ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn thị trấn.

Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

## IV. Đất rừng sản xuất:

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
		12	10	6

Vị trí 1: Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ;

Vị trí 2: Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường liên huyện, liên xã;

Vị trí 3: Là những diện tích còn lại.

**V. Giá đất rừng phòng hộ và rừng cảnh quan**

xuất - Đất rừng phòng hộ : Tính bằng 90% giá đất cùng hạng, cùng khu vực của đất rừng sản

xuất - Đất rừng cảnh quan: Tính bằng 110% giá đất cùng hạng, cùng khu vực của đất rừng sản